



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Bà Trịnh Thị Lan Phương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Văn Minh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16/04/2018)
Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/04/2018)
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2018 đến 15/04/2018 là Ông Hoàng Thanh Hải, từ ngày 16/04/2018 đến ngày 31/12/2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Văn Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Số: C
TY
H
OÁN
CO
S H

Số: 098 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/03/2019, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0657-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2019



Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1450-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.236.686.979	117.083.850.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.290.171.052	3.511.145.935
1. Tiền	111	4	4.290.171.052	3.511.145.935
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.787.776.800	10.526.531.975
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.209.342.569	10.178.461.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.735.961.192	807.445.390
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		198.508.045	174.180.369
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(356.035.006)	(633.555.531)
III. Hàng tồn kho	140	8	87.589.915.663	102.615.859.782
1. Hàng tồn kho	141		87.589.915.663	102.615.859.782
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		568.823.464	430.312.567
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	420.324.972	327.354.615
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.498.492	102.957.952
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.405.468.389	82.747.760.213
I. Tài sản cố định	220		64.047.099.746	82.747.760.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	64.047.099.746	72.054.996.113
- Nguyên giá	222		97.802.646.443	100.242.390.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.755.546.697)	(28.187.394.105)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	10.692.764.100
- Nguyên giá	228		120.000.000	11.068.476.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(375.711.900)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.039.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	20.039.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		319.368.643	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	319.368.643	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		194.642.155.368	199.831.610.472

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		35.963.291.120	47.645.613.861
I. Nợ ngắn hạn	310		32.479.827.520	41.880.858.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.885.129.067	6.925.951.190
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		514.441.463	980.188.462
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.131.549.789	722.415.616
4. Phải trả người lao động	314		2.757.903.215	2.673.960.065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		168.696.212	155.543.533
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	9.928.674
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	18.578.280.001	28.228.377.465
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.443.827.773	2.184.493.856
II. Nợ dài hạn	330		3.483.463.600	5.764.755.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	3.483.463.600	5.764.755.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.678.864.248	152.185.996.611
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	158.678.864.248	152.185.996.611
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.098.692.498	6.938.472.795
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.658.171.750	50.325.523.816
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.140.771.072	38.235.861.354
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.517.400.678	12.089.662.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		194.642.155.368	199.831.610.472



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2019



Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng





Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		253.149.581.108	267.109.016.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		677.496.870	600.539.049
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	252.472.084.238	266.508.477.031
4. Giá vốn hàng bán	11	19	220.303.788.548	232.420.771.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.168.295.690	34.087.705.536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	90.836.725	49.318.466
7. Chi phí tài chính	22	22	2.282.881.264	2.025.757.526
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.639.867.312	1.737.462.140
8. Chi phí bán hàng	25	23	4.729.548.827	4.513.342.290
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	13.057.707.737	12.853.641.407
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		12.188.994.587	14.744.282.779
11. Thu nhập khác	31	24	9.539.611.611	388.095.850
12. Chi phí khác	32		1.081.855.351	20.300.551
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.457.756.260	367.795.299
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.646.750.847	15.112.078.078
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.129.350.169	3.022.415.616
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		16.517.400.678	12.089.662.462
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.740	1.223



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2019



Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng




Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	266.064.440.570	288.525.327.189
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(209.950.490.758)	(236.794.514.696)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.977.627.161)	(16.410.193.472)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.661.762.873)	(1.735.252.843)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.722.415.616)	(3.070.390.479)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.485.099.302	1.189.073.415
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.741.526.731)	(11.963.699.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.495.716.733	19.740.349.819
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.372.674.027)	(1.713.548.680)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	34.925.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.312.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.312.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	79.571.275	48.416.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.293.102.752)	(1.630.206.855)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	107.959.022.378	125.042.329.054
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.890.411.242)	(140.064.997.162)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.492.200.000)	(4.746.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.423.588.864)	(19.768.768.108)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	779.025.117	(1.658.625.144)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.511.145.935	5.169.771.079
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.290.171.052	3.511.145.935



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2019


Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng




Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 26/04/2018. Công ty có trụ sở tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 200 người (tại ngày 31/12/2017: 203 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán các loại quạt dân dụng, quạt công nghiệp và lồng quạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty có thể so sánh được.

Cấu trúc Công ty

Công ty có 01 Công ty liên kết là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập ngày 18/12/2018.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại ngày 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho nào cần phải xem xét trích lập dự phòng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng và các loại máy móc, công cụ được không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân loại lại với thời gian khấu hao từ 1 đến 7 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	777.270.684	851.421.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.512.900.368	2.659.724.095
	<u>4.290.171.052</u>	<u>3.511.145.935</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>15.209.342.569</i>	<i>10.178.461.747</i>
Công ty TNHH Thương mại SX Xây dựng Phú Đức Phát	2.084.709.907	1.796.929.042
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Việt Khoa	1.910.733.506	1.169.872.352
Công ty TNHH Tân Thành	1.743.600.283	446.227.500
Công Ty Cổ Phần Điện Cơ Thống Nhất	1.511.000.040	997.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	1.297.606.610	2.587.915.410
Các đối tượng khác	6.661.692.223	3.179.817.443
	<u>15.209.342.569</u>	<u>10.178.461.747</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>2.735.961.192</i>	<i>807.445.390</i>
Công ty TNHH SX & TM - DV Cường Vinh	676.500.000	783.945.390
Công ty TNHH Lập Phúc	979.550.000	-
Các đối tượng khác	1.079.911.192	23.500.000
	<u>2.735.961.192</u>	<u>807.445.390</u>

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dây - Cáp & Vật liệu điện KEVIN	219.062.690	-	219.062.690	-
Công ty CP Điện cơ 1991	119.012.498	-	119.012.498	-
DNTN Điện cơ Tây Đô	9.282.625	-	9.282.625	-
Công ty Cổ phần Việt Hàn	6.330.516	-	6.330.516	-
Công ty TNHH sản xuất và TM Quạt điện Việt Nam	4.687.061	2.343.529	4.687.061	2.343.529
DNTN Thuận Phong	3.145	-	277.523.670	-
	<u>358.378.535</u>	<u>2.343.529</u>	<u>635.899.060</u>	<u>2.343.529</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.336.966.107	-	33.472.479.252	-
Công cụ, dụng cụ	187.040.690	-	270.050.842	-
Chi phí SXKD dở dang	12.817.987.271	-	7.618.769.582	-
Thành phẩm	28.492.463.717	-	30.618.765.060	-
Hàng hóa	17.755.457.878	-	30.635.795.046	-
	87.589.915.663	-	102.615.859.782	-

Ghi chú:

Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty được thế chấp cho các khoản vay - xem thuyết minh số 15.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	420.324.972	327.354.615
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	420.324.972	327.354.615
Dài hạn	319.368.643	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	319.368.643	-
	739.693.615	327.354.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	68.471.847.451	25.380.653.941	6.322.227.407	67.661.419	100.242.390.218
Mua sắm mới	-	2.333.429.027	-	39.245.000	2.372.674.027
Góp vốn đầu tư	(977.075.818)	-	-	-	(977.075.818)
Giảm tài sản không đủ điều kiện	(51.554.384)	(1.372.736.917)	-	-	(1.424.291.300)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.411.050.684)	-	-	(2.411.050.684)
Tại ngày cuối năm	67.443.217.249	23.930.295.367	6.322.227.407	106.906.419	97.802.646.443
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	14.135.536.318	10.995.873.786	3.007.235.380	48.748.621	28.187.394.105
Khấu hao trong kỳ	3.792.940.693	3.634.692.658	622.169.980	15.821.376	8.065.624.707
Góp vốn đầu tư	(43.624.874)	-	-	-	(43.624.874)
Giảm tài sản ko đủ điều kiện	(14.048.104)	(1.090.874.554)	-	-	(1.104.922.657)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.348.924.584)	-	-	(1.348.924.584)
Tại ngày cuối năm	17.870.804.033	12.190.767.306	3.629.405.360	64.569.997	33.755.546.697
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	54.336.311.133	14.384.780.155	3.314.992.027	18.912.798	72.054.996.113
Tại ngày cuối năm	49.572.413.216	11.739.528.061	2.692.822.047	42.336.422	64.047.099.746

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 6.883.715.376 VND (tại ngày 31/12/2016: 9.035.372.783 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị là 3.410.094.273 VND (tại ngày 31/12/2017: 2.726.162.752 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày đầu năm	10.948.476.000	120.000.000	11.068.476.000
- Góp vốn đầu tư	(10.948.476.000)		(10.948.476.000)
Tại ngày cuối năm	-	120.000.000	120.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày đầu năm	273.711.900	102.000.000	375.711.900
- Khấu hao trong kỳ	215.120.056	18.000.000	233.120.056
- Góp vốn đầu tư	(488.831.956)	-	(488.831.956)
Tại ngày cuối năm	-	120.000.000	120.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.674.764.100	18.000.000	10.692.764.100
Tại ngày cuối năm	-	-	-

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.039.000.000	-	(*)	-	-	-
	20.039.000.000	-	-	-	-	-

Ghi chú (*): Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

b) Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập ngày 18/12/2018, trụ sở số 20 Đình Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng. Vốn điều lệ 40.895.799.000 VND. Công ty góp 20.039.000.000 VND tương ứng với 49% vốn điều lệ bằng Quyền sử dụng đất 572,4 m² và tài sản trên đất tại 20 Đình Tiên Hoàng. Tỷ lệ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ phân chia rủi ro và lợi nhuận là 50:50.

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập để đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án tòa nhà thương mại Phong Lan tại địa chỉ 20 Đình Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng. Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	5.885.129.067	5.885.129.067	6.925.951.190	6.925.951.190
Công ty TNHH Tân Thành	1.212.934.707	1.212.934.707	635.978.860	635.978.860
Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	1.090.000.120	1.090.000.120	-	-
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai	949.800.500	949.800.500	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Thành Nghĩa	589.302.115	589.302.115	696.109.130	696.109.130
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất	-	-	2.255.000.000	2.255.000.000
Công ty TNHH Dây và cáp điện LUCKYSUN	-	-	1.344.957.165	1.344.957.165
Phải trả các đối tượng khác	2.043.091.625	2.043.091.625	1.993.906.035	1.993.906.035

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	5.947.786.520	5.945.586.900	2.199.620
Thuế xuất, nhập khẩu	-	333.106.896	333.106.896	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	722.415.616	4.129.350.169	2.722.415.616	2.129.350.169
Thuế thu nhập cá nhân	-	465.554.912	465.554.912	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	897.164.942	897.164.942	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	722.415.616	11.776.963.439	10.367.829.266	2.131.549.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	18.578.280.001	18.578.280.001	119.890.411.242	110.240.313.778	28.228.377.465	28.228.377.465
Vay ngắn hạn	15.192.280.001	15.192.280.001	117.119.411.242	106.854.313.778	25.457.377.465	25.457.377.465
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (i)	15.192.280.001	15.192.280.001	111.590.731.242	101.325.633.778	25.457.377.465	25.457.377.465
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng	-	-	1.528.680.000	1.528.680.000	-	-
Vay cá nhân	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.386.000.000	3.386.000.000	2.771.000.000	3.386.000.000	2.771.000.000	2.771.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (ii)	3.386.000.000	3.386.000.000	2.674.000.000	3.386.000.000	2.674.000.000	2.674.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng	-	-	97.000.000	-	97.000.000	97.000.000
b) Vay dài hạn	3.483.463.600	3.483.463.600	3.386.000.000	1.104.708.600	5.764.755.000	5.764.755.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (ii)	3.483.463.600	3.483.463.600	3.386.000.000	1.104.708.600	5.764.755.000	5.764.755.000

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018-HĐCVHM.NHCT166-ĐCHP ngày 04/09/2018 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng. Hạn mức tối đa được giải ngân: 50.000.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay: Bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS/NHCT-ĐCHP ngày 17/06/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/TC/NHCT-166-ĐCHP ngày 31/10/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng bao gồm 04 Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2015-HĐTDDA/NHCT166-ĐHCP ngày 29/01/2015 với hạn mức 3.370.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc "Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải" của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2015- HĐTDDA/NHCT166- ĐCHP ngày 23/09/2015 với hạn mức 3.850.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc "Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải" của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/MMTB/2012 ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TC/NHCT/ĐCHP ngày 29/01/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/TC/NHCT/ĐCHP ngày 23/09/2015 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT-166-ĐCHP ngày 17/06/2016, hạn mức 8.400.000.000 VND. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện dự án đầu tư "Mua lại nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 20 Đinh Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng". Lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, được xác định theo định kỳ 3 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS/NHCT-ĐCHP ngày 17/06/2016.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVDADT/NHCT-166-ĐCHP ngày 19/11/2018, hạn mức 2.208.850.000 VND. Thời hạn vay: 36 tháng từ ngày bên cho vay giải ngân. Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị khuôn mẫu năm 2018. Lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, được xác định theo định kỳ 3 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS/NHCT-ĐCHP ngày 17/06/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/TC/NHCT-166-ĐCHP ngày 31/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT166-ĐCHP ngày 16/11/2018.

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.386.000.000	2.771.000.000
Trong năm thứ hai	3.066.708.600	2.674.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	416.755.000	3.090.755.000
	6.869.463.600	8.535.755.000
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	3.386.000.000	2.771.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	3.483.463.600	5.764.755.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	94.922.000.000	5.690.950.636	44.813.380.022	145.426.330.658
Lãi trong năm	-	-	12.089.662.462	12.089.662.462
Phân phối lợi nhuận	-	1.308.156.192	(6.577.518.668)	(5.269.362.476)
Giảm khác	-	(60.634.033)	-	(60.634.033)
Số dư đầu năm nay	94.922.000.000	6.938.472.795	50.325.523.816	152.185.996.611
Lãi trong năm	-	-	16.517.400.678	16.517.400.678
Phân phối lợi nhuận (i)	-	1.208.966.246	(11.184.752.744)	(9.975.786.498)
Giảm khác (ii)	-	(48.746.543)	-	(48.746.543)
Số dư cuối năm nay	94.922.000.000	8.098.692.498	55.658.171.750	158.678.864.248

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận trong năm bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2018, trong đó:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.208.966.246 VND
- Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi: 483.586.498 VND
- Chi trả cổ tức: 9.492.200.000 VND

(ii) Giảm khác trong kỳ thể hiện khoản chi thù lao HĐQT và BKS.

Trong năm 2018, Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông là 9.492.200.000 VND tương ứng với 10% vốn góp chủ sở hữu.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	953,97	3.044,35

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	253.149.581.108	267.109.016.080
	253.149.581.108	267.109.016.080
Các khoản giảm trừ doanh thu	677.496.870	600.539.049
Trong đó:		
- Chiết Khấu thương mại	638.061.715	586.854.049
- Hàng bán bị trả lại.	39.435.155	13.685.000
	252.472.084.238	266.508.477.031

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	220.303.788.548	232.420.771.495
	220.303.788.548	232.420.771.495

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.852.044.121	101.237.111.937
Chi phí nhân công	20.134.925.608	20.451.621.980
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.298.744.763	8.788.946.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.063.906.273	4.766.678.383
Chi phí khác bằng tiền	1.938.901.924	1.911.226.835
	135.288.522.689	137.155.585.968

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.571.275	49.318.466
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.265.450	-
	90.836.725	49.318.466

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.639.867.312	1.737.462.140
Chiết khấu thanh toán	643.013.952	284.889.580
Chi phí tài chính khác	-	3.405.806
	2.282.881.264	2.025.757.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	64.601.796	112.998.267
Chi phí nhân viên	8.181.348.309	8.392.970.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.705.023	313.886.549
Chi phí khấu hao TSCĐ	995.309.774	995.613.865
Thuế, phí và lệ phí	769.175.096	760.848.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.580.343.930	2.076.848.270
Các khoản chi phí QLDN khác	405.223.809	200.476.039
Cộng	<u>13.057.707.737</u>	<u>12.853.641.407</u>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	1.325.955.983	843.056.521
Chi phí nhân viên	1.589.072.014	1.566.895.502
Chi phí khấu hao TSCĐ	700.547.136	715.211.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.551.119	700.199.177
Chi phí bảo hành	335.191.801	399.589.398
Các khoản chi phí bán hàng khác	223.230.774	288.389.841
Cộng	<u>4.729.548.827</u>	<u>4.513.342.290</u>

24. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác bao gồm 8.645.905.012 VND là khoản lãi từ chênh lệch giữa giá trị xác định lại đem đi góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan với giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại 20 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.646.750.847	15.112.078.078
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	20.646.750.847	15.112.078.078
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.129.350.169</u>	<u>3.022.415.616</u>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	16.517.400.678	12.089.662.462
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(483.586.498)
Lợi nhuận/ (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.517.400.678	11.606.075.964
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.740	1.223
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 chỉ được xác định sau đại hội cổ đông.

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất đồ điện dân dụng: quạt điện, lồng quạt.; Ngoài ra kinh doanh thương mại nhập khẩu một số loại quạt điện nhưng trong cùng khu vực. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng. Công ty không có đơn vị phụ thuộc nào tại các địa bàn ngoài tỉnh. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	22.061.743.601	33.993.132.465
Trừ: Tiền và các khoản trong đương tiền	(4.290.171.052)	(3.511.145.935)
Nợ thuần	17.771.572.549	30.481.986.530
Vốn chủ sở hữu	158.678.864.248	152.185.996.611
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,11	0,20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.290.171.052	3.511.145.935
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.051.815.608	9.719.086.585
Tổng cộng	39.380.986.660	13.230.232.520
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	22.061.743.601	33.993.132.465
Phải trả người bán và phải trả khác	5.885.129.067	6.935.879.864
Chi phí phải trả	168.696.212	155.543.533
Tổng cộng	28.115.568.880	41.084.555.862

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.290.171.052	-	4.290.171.052
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.051.815.608	-	15.051.815.608
Tổng cộng	19.341.986.660	-	19.341.986.660
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	17.866.280.001	4.195.463.600	22.061.743.601
Phải trả người bán và phải trả khác	5.885.129.067	-	5.885.129.067
Chi phí phải trả	168.696.212	-	168.696.212
Tổng cộng	23.920.105.280	4.195.463.600	28.115.568.880
Chênh lệch thanh khoản thuần	(4.578.118.620)	(4.195.463.600)	(8.773.582.220)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.511.145.935	-	3.511.145.935
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.719.086.585	-	9.719.086.585
Đầu tư tài chính dài hạn	80.000.000.000	-	80.000.000.000
Tổng cộng	93.230.232.520	-	93.230.232.520
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	28.228.377.465	5.764.755.000	33.993.132.465
Phải trả người bán và phải trả khác	6.935.879.864	-	6.935.879.864
Chi phí phải trả	155.543.533	-	155.543.533
Tổng cộng	35.319.800.862	5.764.755.000	41.084.555.862
Chênh lệch thanh khoản thuần	57.910.431.658	(5.764.755.000)	52.145.676.658

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.521.527.936	1.660.583.394
Cổ tức trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.134.573.050	1.144.659.500


Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2019


Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng


Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc


M.S.D.N: 0200580118-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN CƠ
HẢI PHÒNG
Q. LÊ CHÂN - TP. HẢI PHÒNG


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hai Phong Office

No. 499 Quan Toan Street, Quan Toan Ward
Hong Bang District, Hai Phong City
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn